

Số: 06/2013/TT-BCA

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2013

THÔNG TƯ

Quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt của Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt

Căn cứ Luật đường sắt năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2006 và năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt của Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nguyên tắc, trình tự điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt của lực lượng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt (sau đây gọi tắt là cán bộ) làm nhiệm vụ điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt.

2. Công an các đơn vị, địa phương.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt.

Điều 3. Nguyên tắc điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt

1. Tuân thủ quy định tại Thông tư này, Thông tư số 76/2011/TT-BCA ngày 22/11/2011 của Bộ Công an quy định phân công trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong công tác điều tra, giải quyết tai nạn giao thông của lực lượng Cảnh sát nhân dân (sau đây gọi tắt là Thông tư số 76/2011/TT-BCA) và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm nhanh chóng, kịp thời, chính xác, khách quan, toàn diện.

3. Thực hiện đúng thẩm quyền, nhiệm vụ được giao.

4. Bảo đảm thực hiện đúng quy chế dân chủ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và Điều lệnh Công an nhân dân.

5. Nghiêm cấm lợi dụng nhiệm vụ được giao để tiêu cực, sách nhiễu, gây phiền hà, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 4. Tiêu chuẩn của cán bộ làm nhiệm vụ điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt

1. Có trình độ trung cấp Công an nhân dân hoặc tương đương trở lên. Đối với cán bộ tốt nghiệp các trường ngoài ngành Công an thì phải qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Công an nhân dân.

2. Có thời gian công tác liên tục trong lực lượng Cảnh sát giao thông từ một năm trở lên.

3. Đã được tập huấn nghiệp vụ điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt theo nội dung, chương trình tập huấn nghiệp vụ của Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đã hoàn thành lớp tập huấn nghiệp vụ điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt.

Chương II

TRÌNH TỰ ĐIỀU TRA, GIẢI QUYẾT TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Mục I

TRÌNH TỰ ĐIỀU TRA VỤ TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Điều 5. Tiếp nhận tin

1. Cán bộ nhận tin báo có vụ tai nạn giao thông đường sắt xảy ra phải hỏi rõ, ghi vào Sổ nhận tin báo vụ tai nạn giao thông các thông tin sau:

a) Họ tên, địa chỉ, số điện thoại (nếu có) của người báo tin; thời gian nhận tin báo.

b) Thời gian, địa điểm xảy ra tai nạn (ghi rõ: giờ, ngày, tháng, năm, tại km, khu gian hoặc ga, tuyến đường sắt, thuộc thôn, xóm, tổ dân phố; xã, phường, thị trấn; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

c) Các thông tin liên quan đến tai nạn giao thông đường sắt, hình thức vụ tai nạn: Đỗ tàu, chè ghi, trật bánh đầu máy, trật bánh toa xe, tàu đâm va phương tiện giao thông đường bộ, tàu va cán người, ...; mác tàu, trưởng tàu, tài xế. Nếu có liên quan đến phương tiện giao thông đường bộ thì ghi biển số xe, loại xe, người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

d) Thiệt hại ban đầu về người (số người chết, số người bị thương); phương tiện, thiết bị đường sắt và tài sản khác.

đ) Họ tên, địa chỉ, số điện thoại của những người liên quan hoặc người biết vụ tai nạn xảy ra.

e) Những thông tin khác về vụ tai nạn giao thông đường sắt.

g) Nếu người báo tin là cán bộ, nhân viên ngành đường sắt thì phải hỏi thêm: Những việc đã xử lý tại hiện trường (tổ chức phòng vệ, cấp cứu người bị nạn, bảo vệ hiện trường, ...); nhận định sơ bộ của họ về hiện trường, về nguyên nhân tai nạn.

2. Ngay sau khi thực hiện xong các quy định tại khoản 1 Điều này, cán bộ nhận tin phải báo cáo vụ tai nạn đó cho lãnh đạo trực chỉ huy đơn vị.

Điều 6. Xử lý tin

Lãnh đạo trực chỉ huy đơn vị khi nhận được báo cáo phải xử lý như sau:

1. Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt nhận được tin báo về vụ tai nạn giao thông thì thông báo cho Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh) hoặc đơn vị Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát trên tuyến gần nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông để cử cán bộ đến hiện trường tổ chức cấp cứu người bị nạn, bảo vệ hiện trường, bảo vệ tài sản của người bị nạn, xác định người biết việc; đồng thời, thông báo cho Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là Công an cấp huyện) nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông cử cán bộ đến hiện trường để điều tra, giải quyết.

2. Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh nhận được tin báo về vụ tai nạn giao thông thì thông báo cho đơn vị Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát trên tuyến gần nơi xảy ra vụ tai nạn để cử cán bộ đến hiện trường tổ chức cấp cứu người bị nạn, bảo vệ hiện trường, bảo vệ tài sản, xác định người biết việc; đồng thời, thông báo ngay cho Công an cấp huyện nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông cử cán bộ đến hiện trường để điều tra, giải quyết.

3. Công an cấp huyện nhận được tin báo vụ tai nạn giao thông thì xử lý như sau:

a) Vụ tai nạn giao thông đường sắt thuộc địa bàn quản lý thì cử ngay cán bộ đến hiện trường để điều tra, giải quyết theo quy định tại Thông tư này.

b) Vụ tai nạn giao thông đường sắt liên quan đến phương tiện giao thông đường bộ thì cử ngay cán bộ đến hiện trường để điều tra, giải quyết theo quy định tại Thông tư này và Thông tư của Bộ Công an quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ.

c) Trường hợp người, phương tiện giao thông liên quan đến vụ tai nạn có tham gia bảo hiểm thì có thể thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm đến hiện trường phối hợp giải quyết hậu quả vụ tai nạn giao thông.

4. Trường hợp nhận được tin báo vụ tai nạn giao thông gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì ngoài việc thực hiện quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này còn phải thực hiện chế độ báo cáo ban đầu vụ tai nạn giao thông gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng theo quy định của Bộ Công an.

Điều 7. Những việc làm ngay khi đến hiện trường vụ tai nạn giao thông

1. Tổ chức cấp cứu người bị nạn

a) Ghi nhận vị trí người bị nạn trước khi đưa đi cấp cứu.

b) Trường hợp người bị nạn đã chết thì phải đánh dấu vị trí, chụp ảnh, quay camera (nếu có) và che đậy người bị nạn; nếu người bị nạn đã chết đang ở vị trí có thể gây cản trở giao thông thì sau khi đánh dấu vị trí, chụp ảnh, quay camera (nếu có) phải đưa người bị nạn ra khỏi phạm vi giới hạn hành lang an toàn giao thông đường sắt, che đậy lại.

2. Xác định hiện trường chính, khoanh vùng và tổ chức bảo vệ hiện trường, có biện pháp bảo quản tài sản của người bị nạn, hàng hoá trên các phương tiện trong vụ tai nạn.

a) Đối với vụ trật bánh đầu máy hoặc toa xe, hiện trường bảo vệ là vị trí đầu máy hoặc toa xe sau khi tai nạn xảy ra và đoạn đường sắt từ vị trí dừng

của đầu máy hoặc toa xe đến khởi điểm trật bánh và từ khởi điểm trật bánh ngược về phía sau hướng tàu chạy từ 100 mét (m) đến 300 mét (m).

b) Đối với vụ đỗ tàu, hiện trường bảo vệ như quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, niêm phong buồng lái đầu máy hoặc hộp băng ghi tốc độ (hộp đen) của đầu máy; niêm phong thiết bị chống ngủ gật của đầu máy; thiết bị đuôi tàu.

c) Đối với vụ tàu đâm nhau (đâm đầu, đâm đuôi hoặc đâm sườn) trong ga, trong khu gian, hiện trường bảo vệ là phạm vi khu vực hai phương tiện giao thông đường sắt đâm nhau và vị trí dừng sau khi xảy ra tai nạn.

d) Đối với vụ tàu đâm va phương tiện giao thông đường bộ trong phạm vi khố giới hạn an toàn giao thông đường sắt thì hiện trường bảo vệ là khu vực xảy ra tai nạn.

đ) Đối với vụ chè ghi, hiện trường bảo vệ là phạm vi khu vực ghi xảy ra tai nạn.

e) Trường hợp trên tàu có chở các hóa chất độc hại, chất độc, chất nổ, chất dễ cháy thì phải nhanh chóng xác định vị trí các toa xe đó ở hiện trường và yêu cầu ngành đường sắt đưa toa xe đó ra ngoài vị trí hiện trường và bảo vệ an toàn (trước khi đưa toa xe ra phải chụp ảnh).

3. Yêu cầu trưởng tàu, lái tàu hoặc trực ban chạy tàu ga tổ chức phòng vệ theo quy định của Luật đường sắt.

4. Thu thập thông tin

a) Quan sát để phát hiện và ghi nhận phương tiện, dấu vết, tang vật để lại trên hiện trường, trên phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện giao thông đường bộ có liên quan đến vụ tai nạn, trên quần áo người bị nạn; ghi nhận những thay đổi ở hiện trường trong quá trình tổ chức cấp cứu người bị nạn.

b) Nắm tình hình, xác định những người biết về vụ tai nạn giao thông, ghi rõ họ tên, số chứng minh nhân dân, địa chỉ, số điện thoại (nếu có) và đề nghị họ cung cấp thông tin về vụ tai nạn giao thông.

5. Đối với các vụ đỗ tàu, tàu đâm nhau (ở ga, khu gian, trên đường ngang) thì lập biên bản thu giữ nhật ký chạy tàu ở ga, nhật ký đoàn tàu, nhật ký đường ngang.

6. Khi đến hiện trường hoặc trong quá trình giải quyết vụ tai nạn giao thông theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 Điều này, nếu phát hiện có dấu hiệu tội phạm phải kịp thời báo cáo lãnh đạo phân công lực lượng Cảnh sát điều tra đến giải quyết theo thẩm quyền.

Điều 8. Khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông

1. Những việc làm trước khi khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn

a) Tiếp nhận các công việc của bộ phận bảo vệ hiện trường và nắm tình hình vụ tai nạn giao thông.

b) Mọi người chứng kiến và cán bộ chuyên môn, đơn vị chủ quản đường sắt cùng tham gia khám nghiệm.

c) Quan sát toàn bộ địa điểm xảy ra tai nạn để có khái quát tổng thể về khu vực và vị trí xảy ra tai nạn; xác định phạm vi hiện trường, vị trí nạn nhân, tang vật, dấu vết; nhận định hiện trường còn nguyên vẹn hay đã bị xáo trộn.

d) Xác định phạm vi khám nghiệm, phương pháp khám nghiệm, phương hướng khi vẽ sơ đồ hiện trường, điểm mốc để định vị vị trí vụ tai nạn.

đ) Kiểm tra lại các thiết bị, phương tiện, công cụ phục vụ cho công tác khám nghiệm hiện trường.

2. Tiến hành khám nghiệm

a) Khám nghiệm nạn nhân, phương tiện giao thông, tang vật, dấu vết để lại trên hiện trường.

b) Đánh dấu thứ tự bằng số tự nhiên vị trí của nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết; sơ bộ ghi nhận các dấu vết liên quan đến vụ tai nạn trên phương tiện giao thông.

Những dấu vết ở bên ngoài phương tiện dễ bị thay đổi hoặc biến dạng cần được thu lượm bảo quản ngay tại hiện trường như dấu vết máu, lông, tóc, sợi, xăng, dầu, các dấu vết hóa học hữu cơ khác.

c) Chụp ảnh, hiện trường chung, hiện trường từng phần, quay camera (nếu có); chụp ảnh nạn nhân, phương tiện, dấu vết, tang vật có liên quan (khi chụp ảnh phải đặt thước tỉ lệ).

d) Đo đạc và vẽ sơ đồ hiện trường vụ tai nạn.

đ) Thu lượm dấu vết, tang vật, bảo quản và lấy mẫu so sánh (nếu thấy cần thiết) theo đúng quy định của pháp luật.

3. Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông

Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông phải ghi rõ, đầy đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham gia khám nghiệm, người làm chứng, hiện trường và quá trình khám nghiệm. Cụ thể như sau:

a) Điều kiện thời tiết, ánh sáng trong khi khám nghiệm.

b) Tình trạng hiện trường trước khi khám nghiệm.

c) Mô tả địa hình, việc tổ chức hướng dẫn điều khiển giao thông nơi xảy ra tai nạn.

d) Đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí của nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết.

đ) Mô tả vị trí đặc điểm (hình dáng, kích thước, màu sắc, trạng thái) của nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết trên hiện trường theo số thứ tự.

e) Ghi cụ thể số lượng phương tiện, tang vật, dấu vết đã phát hiện, thu lượm và các mẫu so sánh.

g) Ghi nhận quá trình chụp ảnh hiện trường, quay camera (nếu có).

4. Kết thúc khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông

a) Rà soát lại những công việc đã thực hiện trong quá trình khám nghiệm.

b) Đánh giá sơ bộ dấu vết và các tài liệu thu thập được tại hiện trường để xác định tính liên quan của các dấu vết đã thu thập được hoặc cần phải thu thập thêm những dấu vết khác có liên quan.

c) Thông qua và ký biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn.

Điều 9. Khám nghiệm đầu máy

1. Ghi số hiệu đầu máy và thu giữ sổ theo dõi đầu máy, giấy tờ của người lái tàu, phụ lái tàu điều khiển phương tiện.

2. Khám buồng lái

a) Kiểm tra vị trí, trạng thái của tay điều khiển, tay đảo chiều, tay hãm (hãm lớn, hãm con, hãm tay); chỉ số của các đồng hồ (tốc độ, áp lực thùng gió chính, áp lực ống hãm, áp lực dầu bôi trơn, nhiệt độ nước làm mát...). Riêng đồng hồ đo áp suất khí nén cần phải kiểm tra kỹ tem kiểm định.

b) Kiểm tra còi, hệ thống chiếu sáng, hệ thống xả cát.

3. Kiểm tra, tạm giữ và niêm phong hộp băng, đĩa ghi tốc độ “hộp đen”; trường hợp đầu máy bị đổ, không hoạt động được thì niêm phong buồng lái.

4. Khám giá chuyển hướng

a) Xác định trực bánh đầu tiên trật khỏi đường ray, tập trung khám nghiệm giá chuyển hướng có trực bánh đó. Trường hợp không xác định được trực bánh đầu tiên trật khỏi đường ray thì phải khám nghiệm toàn bộ các trực bánh.

b) Khám đôi bánh xe, đo giang cách bánh xe, đo chiều cao và độ dày gờ lốp bánh xe, xem xét dấu sơn giữa trực và mâm bánh xe, băng đà, mặt lăn nhám tìm ra các sự cố kỹ thuật; phát hiện dấu vết lạ ở gờ lốp, trực và mặt lăn bánh xe. Trường hợp giá chuyển hướng của đầu máy loại 3 trực bánh/1 giá

chuyên phải kiểm tra khoảng cách các trục bánh xe và độ lệch của mâm cối chuyên; xác định độ rơ dọc của Cút-xi-nê ở đầu trục bánh xe.

c) Đo chiều cao hệ lò xo, xem xét đai nhíp, thanh treo nhíp, các lá nhíp.

5. Kiểm tra chiều dài, góc nghiêng của giảm chấn thuỷ lực; vị trí, trạng thái của động cơ điện kéo, hộp bánh răng truyền động giữa động cơ điện kéo và trục bánh xe; chú ý các mùi cháy khét ở động cơ điện kéo và các ổ trục để phát hiện sự cố cháy ở các bộ phận này.

6. Khám nghiệm hệ thống hãm

a) Kiểm tra hoạt động của máy bơm gió, van an toàn thùng gió chính, hệ thống ống dẫn gió, các van khoá gió, trạng thái của pít-tông nồi hãm.

b) Kiểm tra trang trí hệ thống hãm, xà mang guốc hãm, biên treo, quang treo, thanh giằng hãm, đĩa hãm.

c) Kiểm tra số lượng, đo độ dày guốc hãm, má hãm; xem xét dấu vết, màu sắc trên bề mặt guốc hãm.

d) Kiểm tra hoạt động của hệ thống xả cát; kiểm tra dấu vết trên ba-đờ-xốc.

7. Kiểm tra các bộ phận gá lắp, bệ đỡ móc nối, cần giật móc nối, đo góc quét, khe hở trên và khoảng cách từ mặt ray đến trung tâm đầu đầm.

8. Lập biên bản khám nghiệm đầu máy, biên bản phải ghi đầy đủ quá trình khám nghiệm đầu máy, mô tả cụ thể các dấu vết trên đầu máy.

9. Thông qua và ký biên bản khám nghiệm đầu máy.

Điều 10. Khám nghiệm toa xe

1. Ghi nhận số hiệu toa xe, trọng lượng, tải trọng, chiều cao, dài, rộng, thời gian và nơi sửa chữa định kỳ (có ghi trên thành xe), hàng hoá vận chuyển trên toa xe (nếu có).

2. Khám nghiệm thùng toa xe: cần xác định tình trạng hàng hoá trên toa xe (số lượng, khối lượng và trạng thái xếp hàng); xác định độ nghiêng thùng xe; tình trạng liên kết, làm việc giữa các supler; nếu là toa xe hàng tự lật thì phải xác định vị trí của tay điều khiển thùng xe và trạng thái chốt định vị tay điều khiển.

3. Khám nghiệm bộ phận chạy, hệ thống hãm, các bộ phận gá lắp, bệ đỡ, móc nối... thực hiện theo quy định tại các khoản 4, 5, 6, và 7 Điều 9 Thông tư này.

4. Khám nghiệm vị trí tay gạt R-T của hệ thống hãm; lan can, cầu giao thông đi lại, bậc lên xuống, tay vịn... ; hàng hoá trên toa xe: loại hàng hoá, số lượng, trọng lượng, cách xếp hàng và giá cước hàng hoá. Trường hợp vụ tàu trôi

dốc do mất khả năng hãm thì phải kiểm tra trạng thái các khoá hãm, hệ thống hãm tay ở các toa xe và có thể thử hãm theo quy định của Luật Đường sắt.

5. Lập biên bản khám nghiệm toa xe, biên bản phải ghi đầy đủ quá trình khám nghiệm toa xe, mô tả cụ thể các dấu vết trên toa xe.

6. Thông qua và ký biên bản khám nghiệm toa xe.

Điều 11. Lấy lời khai của nhân viên đường sắt

1. Tùy từng vụ, việc cụ thể mà lấy lời khai và báo cáo của nhân viên đường sắt có liên quan đến vụ tai nạn giao thông, như: Lái tàu, phụ lái tàu, trưởng tàu, trực ban chạy tàu ga, trưởng dồn, gác ghi, nhân viên gác hoặc tuần thủ cầu, đường, hầm...; khi khám nghiệm về phương tiện, thiết bị gì thì lấy lời khai và báo cáo của người quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị đó.

2. Việc lấy lời khai của nhân viên đường sắt có liên quan đến vụ tai nạn giao thông phải được lập biên bản. Nội dung lời khai làm rõ về diễn biến, nguyên nhân vụ tai nạn, các thao tác của họ trước, trong và sau khi vụ tai nạn xảy ra. Nếu là vụ tai nạn có liên quan đến thiết bị an toàn của đường sắt, thiết bị thông tin tín hiệu, đầu máy, toa xe thì nội dung lời khai cần tập trung vào quá trình nhận ban, lên ban và các thao tác nghiệp vụ của người sử dụng, quản lý, sửa chữa.

Điều 12. Lấy lời khai của người bị nạn

1. Việc lấy lời khai người bị nạn phải được lập biên bản. Yêu cầu lấy lời khai phải làm rõ về diễn biến, nguyên nhân vụ tai nạn, thương tích do vụ tai nạn gây ra và các tình tiết khác có liên quan.

2. Trường hợp người bị nạn bị thương nặng thì chỉ lấy lời khai khi được nhân viên y tế điều trị và người đó đồng ý; cần đặt câu hỏi ngắn gọn, rõ ràng.

Nếu người bị nạn có thể tử vong thì phải lấy lời khai ngay. Trường hợp họ bị thương nặng không thể nói được thì phải lập biên bản về việc đó và có xác nhận của nhân viên y tế điều trị.

Điều 13. Lấy lời khai của người biết việc

1. Việc lấy lời khai của người biết việc phải được lập biên bản. Yêu cầu lấy lời khai phải làm rõ những vấn đề sau đây:

a) Xác định năng lực hành vi của người biết việc, mối quan hệ của người biết việc với những người có liên quan trong vụ tai nạn.

b) Vị trí của người biết việc (hướng nhìn, tầm nhìn xa, khoảng cách giữa người biết việc đến nơi xảy ra tai nạn), thời tiết, ánh sáng khi xảy ra vụ tai nạn, họ có chú ý đến sự việc hay không, do đâu mà họ biết về vụ tai nạn.

c) Hướng chuyên động của các bên liên quan đến vụ tai nạn (người và phương tiện).

d) Tốc độ, việc xử lý của người điều khiển phương tiện trước, trong và sau khi xảy ra tai nạn, những tiếng động do va chạm giữa các phương tiện giao thông.

đ) Phản ứng của những người có liên quan trước khi xảy ra tai nạn;

e) Vị trí của các phương tiện, người, tang vật sau khi xảy ra tai nạn, vị trí đó có bị thay đổi không; nếu có thay đổi, xem dịch thì ai làm điều đó, vì sao.

g) Trạng thái tâm lý của người gây tai nạn biểu hiện ra bên ngoài (anh hưởng của chất kích thích, rượu, bia, tình trạng súp khỏe...).

h) Các yếu tố khác có liên quan đến vụ tai nạn giao thông mà họ biết, còn ai biết về vụ tai nạn xảy ra.

2. Trường hợp chưa thể lấy lời khai của người biết việc ngay tại hiện trường thì cán bộ lấy lời khai phải ghi lại thông tin về nơi thường trú, công tác, học tập, số điện thoại liên lạc... của người biết việc, sau đó đến nơi ở, nơi làm việc, học tập của người biết việc hoặc mời người đó đến trụ sở Công an cấp huyện (nơi xảy ra tai nạn) để lấy lời khai. Đối với trẻ em dưới 16 tuổi, khi lấy lời khai phải mời người giám hộ (cha, mẹ, người đại diện hợp pháp hoặc thầy giáo, cô giáo) của người đó tham dự và ký tên vào biên bản.

3. Trường hợp vụ tai nạn giao thông có nhiều người biết việc thì lấy lời khai của từng người; trường hợp vụ tai nạn giao thông qua điều tra ban đầu xác định không có người biết việc thì cán bộ được giao điều tra, giải quyết tai nạn giao thông phải báo cáo lãnh đạo đơn vị bằng văn bản.

Điều 14. Một số hoạt động khác thu thập tài liệu liên quan đến vụ tai nạn giao thông

Ngoài việc thực hiện quy định tại các điều từ Điều 7 đến Điều 13 thì tùy theo tính chất, mức độ của từng vụ tai nạn giao thông, khi điều tra, giải quyết cơ quan Công an phải tiến hành một số hoạt động điều tra sau đây:

1. Tạm giữ tang vật, phương tiện giao thông đường bộ và người điều khiển phương tiện giao thông có liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường sắt

a) Tạm giữ phương tiện giao thông đường bộ có liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường sắt

- Khi vụ tai nạn giao thông xảy ra, các phương tiện giao thông đường bộ có liên quan phải được tạm giữ để phục vụ công tác khám nghiệm, điều tra, giải quyết, trừ các phương tiện giao thông được quyền ưu tiên theo quy định. Việc tạm giữ phương tiện giao thông đường bộ phải lập biên bản tạm

giữ, biên bản ghi nhận tình trạng phương tiện bị tạm giữ và ra quyết định tạm giữ phương tiện. Khi trả phương tiện giao thông đường bộ phải lập biên bản trả phương tiện tạm giữ theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm việc giữ phương tiện giao thông của các bên liên quan đến vụ tai nạn giao thông để làm căn cứ giải quyết bồi thường thiệt hại.

- Việc tạm giữ phương tiện và giải quyết phương tiện bị tạm giữ thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Trường hợp vụ tai nạn có dấu hiệu tội phạm thì lực lượng Cảnh sát giao thông chuyển phương tiện cùng hồ sơ vụ tai nạn cho Cơ quan Cảnh sát điều tra.

b) Tạm giữ người điều khiển phương tiện giao thông có liên quan đến vụ tai nạn giao thông

- Việc tạm giữ người điều khiển phương tiện giao thông phải được thực hiện theo đúng quy định về tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

- Khi tạm giữ người, cần thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho người bị tạm giữ.

c) Tạm giữ tang vật, phương tiện khác của người liên quan đến vụ tai nạn giao thông tại hiện trường

- Việc tạm giữ phải được ghi rõ, đầy đủ trong nội dung biên bản tạm giữ, các tang vật quan trọng phải được niêm phong, có chữ ký của người làm chứng.

- Khi tiến hành trao trả các tang vật, phương tiện bị tạm giữ phải lập biên bản và yêu cầu người liên quan đến tai nạn giao thông hoặc đại diện của họ ký vào biên bản.

2. Khám nghiệm phương tiện giao thông đường bộ liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường sắt

Việc khám nghiệm phương tiện giao thông đường bộ liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường sắt được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 77/2012/TT-BCA ngày 28/12/2012 của Bộ Công an quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông đường bộ.

3. Ghi nhận dấu vết trên người bị nạn

a) Việc ghi nhận dấu vết trên thân thể người bị nạn phải được xem xét tỉ mỉ trên quần áo, mũ, nón (mô tả chi tiết trong biên bản, chụp ảnh), có người cùng giới chứng kiến; nếu là nạn nhân nữ khi khám dấu vết thương tích để lại do tai nạn giao thông ở vùng đầu và tứ chi thì khám dấu vết thương tích bình

thường, còn nếu ở vùng nhạy cảm (ngực, bụng hay vùng kín) thì cử cán bộ nữ tham gia khám dấu vết thương tích; trường hợp cần thiết thì đề nghị trung cầu giám định thương tật.

b) Nghiêm cấm lợi dụng việc xem xét dấu vết trên thân thể người bị nạn xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm hoặc sức khỏe của người bị nạn. Nhận định ban đầu về tỉ lệ phần trăm thương tật của người bị nạn.

4. Xác định chỉ tiêu kỹ thuật của đường sắt liên quan đến vụ tai nạn giao thông

a) Xác định điểm trật bánh đầu tiên hoặc xảy ra tai nạn đầu tiên.

b) Kiểm tra kỹ thuật đường sắt trong phạm vi 100m đến 300m, bắt đầu từ điểm trật bánh đầu tiên hoặc điểm xảy ra tai nạn ngược với hướng tàu chạy, cứ 3m đo một điểm ghi số liệu về cự ly, thuỷ bình; trường hợp điểm xảy ra tai nạn ở đường cong thì phải kiểm tra đường tên để xác định độ cong tròn của đường cong.

c) Kiểm tra các thiết bị, phụ kiện của đường về số lượng, chất lượng: Ray, khe hở mối nối ray, tà vẹt, lập lách, các phụ kiện nối giữ, đá, nền đường và xác định độ liên kết giữa chúng. Nếu giữa các liên kết có khe hở thì phải đo cụ thể khe hở đó, nhất là khe hở giữa ray và tà vẹt, giữa mặt dưới tà vẹt với mặt trên lớp đá ba lát, khe hở giữa đinh crămpông, bu-lông cóc ... với đế ray; chú ý các dấu vết trên ray, tà vẹt và các phụ kiện.

d) Thu lượm dấu vết: Trường hợp trật bánh đầu máy hoặc toa xe do cần phải chướng ngại vật trên đường sắt (đinh crămpông, đá...) hoặc thiết bị của đầu máy, toa xe rơi xuống đường thì phải khám nghiệm dấu vết trên vật chướng ngại và lập biên bản thu giữ, bảo quản theo quy định; trường hợp tai nạn do trang thiết bị của đầu máy, toa xe rơi trên đường thì phải xác định vị trí, trạng thái của chúng trước khi xảy ra tai nạn; xác định trạng thái liên kết khi bị rời ra khỏi đầu máy, toa xe (góc, tuột bu - lông; bị biến dạng ...).

đ) Việc xác định chỉ tiêu kỹ thuật đường sắt liên quan đến vụ tai nạn giao thông phải được lập biên bản theo quy định của pháp luật.

5. Xác định chỉ tiêu kỹ thuật của đường ngang, cầu chung liên quan đến vụ tai nạn giao thông

a) Xác định điểm xảy ra tai nạn trên đường ngang.

b) Xác định tầm nhìn, tình trạng đường ngang (mặt lát đường ngang, độ dốc, góc giao cắt, ray hộ bánh ...), cấp đường ngang, báo hiệu khu vực đường ngang, tổ chức giao thông trên đường ngang (có phòng vệ hay không có phòng vệ, đường ngang hợp pháp hay không hợp pháp ...).

c) Kiểm tra các dấu vết trên đường sắt: Vết phanh, lết của bánh xe trên mặt ray, vết dầu mỡ, máu (nếu có).

d) Kiểm tra các dấu vết trên đoạn đường bộ giao cắt với đường sắt.

đ) Kiểm tra sự hợp lệ của phương tiện và người điều khiển phương tiện, giấy kiểm định phương tiện, giấy phép lái xe; tình trạng sức khỏe của người điều khiển phương tiện.

e) Trường hợp tai nạn xảy ra tại nơi đường ngang có phòng vệ (có người và hệ thống điều khiển giao thông).

- Xác định trạng thái của chắn và tín hiệu trên đường bộ lúc xảy ra tai nạn; dấu vết để lại trên cần chắn.

- Ghi nhận vị trí của biển dừng di động màu đỏ, tín hiệu trên đường sắt.

- Ghi nhận sự hoạt động của thiết bị thông tin tín hiệu.

- Xác định vị trí của nhân viên gác chắn trong thời điểm xảy ra tai nạn, các chứng chỉ đào tạo, sử dụng giao việc, nhật ký đường ngang.

g) Việc xác định chỉ tiêu kỹ thuật đường ngang, cầu chung liên quan đến vụ tai nạn giao thông phải được lập biên bản theo quy định của pháp luật.

6. Xác định chỉ tiêu kỹ thuật của cầu liên quan đến vụ tai nạn giao thông

a) Trường hợp tai nạn xảy ra trên cầu do kiến trúc tầng trên của đường sắt thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này.

b) Xác định trạng thái tín hiệu ở hai đầu cầu (nếu có). Đối với cầu chung giữa đường bộ và đường sắt, xác định việc tổ chức giao thông ở hai đầu cầu.

c) Trường hợp tai nạn xảy ra do kết cấu của cầu, cần xác định vị trí xảy ra tai nạn trên cầu.

- Xác định loại cầu (bê tông, thép), tính chất và các đặc điểm của cầu.

- Đo chiều cao toàn cầu, chiều dài 1 nhịp, số trụ.

- Ghi nhận các khuyết tật có thể nhận thấy bằng mắt thường.

- d) Đề nghị thành lập hội đồng xác định chỉ tiêu kỹ thuật của cầu.

g) Việc xác định chỉ tiêu kỹ thuật cầu liên quan đến vụ tai nạn giao thông phải được lập biên bản theo quy định của pháp luật.

7. Xác định chỉ tiêu kỹ thuật của hầm liên quan đến vụ tai nạn giao thông

a) Xác định chỉ tiêu kỹ thuật đường trong hầm thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này.

b) Trường hợp hầm bị rò, rỉ nước gây tai nạn thì xác định các hư hỏng của vỏ hầm dẫn đến tai nạn.

c) Việc xác định chỉ tiêu kỹ thuật hầm liên quan đến vụ tai nạn giao thông phải được lập biên bản theo quy định của pháp luật.

8. Xác định chỉ tiêu kỹ thuật của ghi liên quan đến vụ tai nạn giao thông

a) Xác định chiều hướng, biểu chí ghi, độ áp sát của lưỡi ghi vào ray cơ bản, trạng thái hoạt động của các thiết bị, phụ kiện ghi.

b) Kiểm tra chất lượng kỹ thuật của lưỡi ghi, chế độ bảo quản, ray hộ bánh, tâm ghi và ray cơ bản; kiểm tra chất lượng vị trí của chốt an toàn, khoá điện không chế ghi.

c) Xem xét các vật lạ có trong phạm vi hoạt động của ghi, nếu có phải mô tả vị trí, kích thước các dấu vết và thu giữ bảo quản.

d) Xác định kế hoạch đón tiễn, dồn tàu của ga, hoạt động của trực ban và gác ghi: Thu giữ phiếu dồn, thẻ đường, nhật ký chạy tàu ga.

d) Việc xác định chỉ tiêu kỹ thuật của ghi liên quan đến vụ tai nạn giao thông phải được lập biên bản theo quy định của pháp luật.

9. Dựng lại hiện trường

a) Trong quá trình điều tra vụ tai nạn giao thông nếu có căn cứ xác định hiện trường bị xáo trộn, hiện trường giả hoặc xét thấy cần thiết cho việc điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông thì tổ chức dựng lại hiện trường vụ tai nạn. Việc dựng lại hiện trường phải có quyết định của người có thẩm quyền.

Trước khi dựng lại hiện trường vụ tai nạn phải có kế hoạch cụ thể và được thủ trưởng đơn vị phê duyệt; phải có người làm chứng và có thể mời người liên quan cùng tham gia. Hiện trường có liên quan đến kỹ thuật đường sắt cần mời chuyên gia ngành đường sắt tham gia.

b) Nội dung dựng lại hiện trường vụ tai nạn cần xác định lại vị trí người bị nạn, phương tiện, tang vật, dấu vết để lại ở hiện trường, xem xét lại những tình huống, hành vi và những tình tiết khi xảy ra vụ tai nạn giao thông; đo đạc và vẽ lại sơ đồ hiện trường; chụp ảnh để làm cơ sở so sánh đối chiếu.

c) Kết thúc việc dựng lại hiện trường vụ tai nạn phải lập biên bản theo quy định, những người tham gia dựng lại hiện trường ký, ghi rõ họ, tên vào biên bản.

10. Giám định chuyên môn

a) Trường hợp cần giám định thương tật người bị nạn hoặc giám định chuyên môn kỹ thuật phương tiện, cầu, đường thì cán bộ được phân công điều

tra, giải quyết báo cáo lãnh đạo cấp có thẩm quyền để đề nghị cơ quan giám định tiến hành giám định.

b) Trường hợp người bị nạn từ chối việc giám định thương tật thì phải lập biên bản, ghi rõ lý do từ chối, có xác nhận của họ hoặc người làm chứng.

Mục II

GIẢI QUYẾT VỤ TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SÁT

Điều 15. Xem xét kết quả điều tra và quyết định việc giải quyết vụ tai nạn giao thông

1. Căn cứ vào hồ sơ, tài liệu hoạt động điều tra, cán bộ được phân công điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông phải báo cáo về kết quả điều tra và đề xuất việc giải quyết vụ tai nạn đó bằng văn bản, trình Trưởng Công an cấp huyện (đối với vụ tai nạn giao thông do Công an cấp huyện thụ lý), Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh (đối với vụ tai nạn giao thông do Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh thụ lý) để quyết định việc giải quyết vụ tai nạn giao thông:

a) Trường hợp xác định vụ tai nạn giao thông không có dấu hiệu tội phạm thì hoàn chỉnh hồ sơ, giải quyết vụ tai nạn giao thông theo thủ tục hành chính quy định tại Điều 16 Thông tư này.

b) Trường hợp xác định vụ tai nạn giao thông có dấu hiệu tội phạm thì chuyển giao hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền để tiến hành điều tra, xử lý theo quy định.

c) Trường hợp vụ tai nạn giao thông liên quan đến người, phương tiện của Quân đội nhân dân thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 76/2011/TT-BCA và Điều 25 Thông tư này.

2. Việc bàn giao hồ sơ cùng tang vật, phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông giữa lực lượng Cảnh sát giao thông và Cơ quan điều tra Công an, Quân đội phải được lập biên bản giao nhận hồ sơ, khi bàn giao hồ sơ phải phô tô để lưu giữ tại đơn vị.

3. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được tin báo về vụ tai nạn giao thông, cơ quan Cảnh sát giao thông phải tiến hành xem xét, điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông; đối với vụ tai nạn giao thông có nhiều tình tiết phức tạp cần điều tra, xác minh thì thời hạn có thể được kéo dài nhưng không quá ba mươi ngày. Trường hợp phải thông qua giám định chuyên môn hoặc cần phải có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì người có thẩm quyền phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin

gia hạn; việc gia hạn phải bằng văn bản, thời hạn gia hạn không được quá ba mươi ngày.

Điều 16. Giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt theo thủ tục hành chính

Cán bộ được phân công điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông tiến hành các công việc sau:

1. Mời các bên liên quan hoặc đại diện hợp pháp của họ đến trụ sở đơn vị để thông báo kết quả điều tra, kết luận nguyên nhân của vụ tai nạn giao thông, xác định lỗi của những người có liên quan trong vụ tai nạn giao thông và hình thức giải quyết. Các bên liên quan trình bày ý kiến của họ, mọi ý kiến phải được ghi vào biên bản giải quyết và có chữ ký của các bên liên quan trong vụ tai nạn giao thông.

Trường hợp một trong các bên liên quan đến vụ tai nạn giao thông vắng mặt có lý do chính đáng, thì phải lập biên bản ghi nhận việc vắng mặt và hẹn ngày khác đến giải quyết.

2. Căn cứ kết quả điều tra, biên bản giải quyết vụ tai nạn giao thông, ra quyết định hoặc đề xuất lãnh đạo có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với người có hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi người bị xử phạt thực hiện xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính, lập biên bản trả lại phương tiện, tang vật và các giấy tờ đã tạm giữ cho người bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính; thu biên lai tiền phạt ghim vào góc trên bên trái Quyết định xử phạt, lưu trong hồ sơ vụ tai nạn giao thông.

4. Giải quyết việc khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại giữa các bên liên quan trong vụ tai nạn giao thông khi các bên có yêu cầu đòi bồi thường

a) Trường hợp các bên liên quan tự thoả thuận khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại thì phải có bản cam kết thống nhất thoả thuận về mức và hình thức bồi thường thiệt hại giữa các bên; ký và ghi rõ họ, tên những người liên quan. Người gây tai nạn tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại được xem là tình tiết giảm nhẹ khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

b) Trường hợp các bên liên quan trong vụ tai nạn giao thông không tự thoả thuận khắc phục hậu quả được thì Cảnh sát giao thông có trách nhiệm hướng dẫn các bên liên hệ với cơ quan Tòa án cùng cấp để giải quyết theo thủ tục dân sự.

Điều 17. Kết thúc điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông

1. Sau khi hoàn thành công tác điều tra và giải quyết vụ tai nạn giao thông đường sắt, đơn vị thụ lý điều tra phải hoàn chỉnh hồ sơ, kết thúc việc điều tra; thực hiện thống kê, báo cáo vụ tai nạn giao thông theo quy định tại Điều 22 của Thông tư này; tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm việc điều tra, giải quyết tai nạn giao thông.

Điều 18. Mở sổ theo dõi vụ tai nạn giao thông và đăng ký lưu hồ sơ

1. Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh; Đội Cảnh sát giao thông Công an cấp huyện phải mở hai sổ theo dõi tai nạn giao thông sau đây:

- a) Sổ nhận tin báo vụ tai nạn giao thông.
- b) Sổ thụ lý vụ tai nạn giao thông.

2. Hai sổ theo dõi tai nạn giao thông quy định tại khoản 1 Điều này và hồ sơ vụ tai nạn giao thông phải được đăng ký lưu giữ, bảo quản, khai thác theo quy định về chế độ hồ sơ của Bộ Công an.

Điều 19. Các biểu mẫu sử dụng trong công tác điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt

1. Các biểu mẫu quy định tại Điều 19 Thông tư số 77/2012/TT-BCA ngày 28/12/2012 của Bộ Công an quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông đường bộ.

2. Biên bản xác định chỉ tiêu kỹ thuật đường sắt, đường ngang, cầu chung, cầu, hầm, ghi liên quan đến vụ tai nạn giao thông (mẫu số 04a/DTTNDS ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 20. Hồ sơ và sắp xếp hồ sơ vụ tai nạn giao thông

1. Hồ sơ xử lý vi phạm hành chính (ký hiệu XL) sắp xếp theo nhóm tài liệu và trong từng nhóm sắp xếp theo thời gian, trình tự như sau:

a) Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, Quyết định hủy bỏ Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định đình chỉ vụ án hình sự, Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự và các quyết định khác (nếu có).

b) Biên bản khám nghiệm hiện trường; biên bản xác định chỉ tiêu kỹ thuật đường sắt, đường ngang, cầu chung, cầu, hầm, ghi liên quan đến vụ tai nạn giao thông; sơ đồ hiện trường; bản ảnh; băng ghi hình (nếu có).

c) Biên bản khám nghiệm phương tiện; quyết định tạm giữ phương tiện, tang vật liên quan đến vụ tai nạn giao thông; biên bản tạm giữ phương tiện, tang vật liên quan đến vụ tai nạn giao thông; biên bản giao trả phương tiện, tang vật liên quan đến vụ tai nạn giao thông.

d) Biên bản ghi lời khai những người có liên quan trong vụ tai nạn giao thông gồm: Biên bản ghi lời khai của nhân viên đường sắt liên quan đến vụ tai nạn giao thông, biên bản ghi lời khai người bị nạn, biên bản ghi lời khai người có liên quan khác đến vụ tai nạn giao thông, biên bản ghi lời khai người biết việc (nếu có nhiều người và mỗi người lại có nhiều biên bản thì sắp xếp theo từng người và theo thời gian).

đ) Biên bản ghi nhận dấu vết trên thân thể người bị nạn và sơ đồ vị trí dấu vết thương tích trên thân thể người bị nạn; biên bản về việc dựng lại hiện trường vụ tai nạn giao thông (nếu có).

e) Tài liệu chứng minh thiệt hại về người (giấy chứng thương, đơn thuốc), tài sản và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

g) Báo cáo đề xuất giải quyết vụ tai nạn giao thông.

h) Các tài liệu về thỏa thuận bồi thường thiệt hại.

i) Báo cáo kết luận điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông.

k) Biên bản giải quyết vụ tai nạn giao thông.

l) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, biên lai thu tiền phạt.

2. Hồ sơ vụ tai nạn giao thông chuyển cho Cơ quan điều tra, gồm:

a) Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, băng ghi hình (nếu có).

b) Biên bản khám nghiệm phương tiện, biên bản tạm giữ phương tiện, quyết định tạm giữ phương tiện, các giấy tờ của người điều khiển phương tiện và hàng hóa trên phương tiện (nếu có).

c) Biên bản ghi lời khai những người có liên quan trong vụ tai nạn gồm: Biên bản ghi lời khai của nhân viên đường sắt liên quan đến vụ tai nạn giao thông, biên bản ghi lời khai người bị nạn, biên bản ghi lời khai người có liên quan khác trong vụ tai nạn giao thông, biên bản ghi lời khai người biết việc.

d) Biên bản ghi nhận dấu vết trên thân thể người bị nạn và sơ đồ vị trí dấu vết thương tích trên thân thể người bị nạn; biên bản về việc dựng lại hiện trường vụ tai nạn giao thông (nếu có).

đ) Tài liệu chứng minh thiệt hại về người và tài sản, các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

e) Biên bản bàn giao hồ sơ.

Điều 21. Hồ sơ sao cung cấp cho doanh nghiệp bảo hiểm

Trường hợp các bên liên quan đến tai nạn giao thông tham gia bảo hiểm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, cơ quan thụ lý điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông có trách nhiệm thông báo, cung cấp một hoặc các tài liệu sau đây cho doanh nghiệp bảo hiểm để giải quyết việc bồi thường bảo hiểm:

1. Bản phô tô (có xác nhận của thủ trưởng đơn vị thụ lý vụ tai nạn giao thông) biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh.
2. Bản phô tô (có xác nhận của thủ trưởng đơn vị thụ lý vụ tai nạn giao thông) biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn.
3. Bản phô tô (có xác nhận của thủ trưởng đơn vị thụ lý vụ tai nạn giao thông) bản thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn giao thông.
4. Bản phô tô (có xác nhận của thủ trưởng đơn vị thụ lý vụ tai nạn giao thông) biên bản giải quyết vụ tai nạn giao thông.

Điều 22. Chế độ thông tin báo cáo thống kê, tổng hợp số liệu tai nạn giao thông đường sắt

1. Các đơn vị Cảnh sát giao thông Công an các cấp phải thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê, tổng hợp số liệu tai nạn giao thông đường sắt theo quy định của Bộ Công an.

2. Khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh phải báo cáo Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt về vụ tai nạn đó theo mẫu số 01/TNĐS ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Định kỳ một tháng, sáu tháng, một năm Công an cấp huyện, Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh, Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt phải báo cáo, thống kê, tổng hợp tình hình, số liệu về tai nạn giao thông đường sắt theo mẫu số 02/TNĐS và mẫu số 03/TNĐS ban hành kèm theo Thông tư này:

- a) Công an cấp huyện báo cáo Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh.
- b) Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh báo cáo Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt.
- c) Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt báo cáo Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội.

4. Báo cáo, thống kê, tổng hợp số liệu tai nạn giao thông đường sắt của Công an các đơn vị, địa phương gửi lên cấp trên được thực hiện bằng các hình thức: văn bản, qua mạng máy tính hoặc Fax. Báo cáo bằng văn bản phải có chữ ký, đóng dấu của thủ trưởng đơn vị.

Chương III
MỘT SỐ TÌNH HUỐNG CỤ THỂ
TRONG ĐIỀU TRA, GIẢI QUYẾT TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Điều 23. Trường hợp vụ tai nạn giao thông đường sắt liên quan đến người và phương tiện giao thông đường bộ của nước ngoài

1. Khi xảy ra vụ tai nạn giao thông đường sắt liên quan đến người và phương tiện giao thông đường bộ của nước ngoài, thì thực hiện theo Chương II Thông tư này; đồng thời, áp dụng Thông tư liên ngành số 01/TTLN-KS-NV-TP-NG, ngày 08/9/1988 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an), Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc điều tra, xử lý các vụ vi phạm luật lệ giao thông đường bộ do người, phương tiện giao thông nước ngoài gây ra hoặc áp dụng theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

2. Cùng với việc tổ chức khám nghiệm hiện trường, các hoạt động ban đầu của cơ quan Công an phải xác định tư cách pháp lý của người nước ngoài, quy chế pháp lý của phương tiện gây tai nạn, người bị nạn và tổn thất về tài sản... Cơ quan Công an có quyền yêu cầu người gây tai nạn phải xuất trình các giấy tờ tùy thân cần thiết và yêu cầu họ ký vào các biên bản điều tra tại hiện trường, trường hợp họ không ký thì ghi rõ vào biên bản và có người chứng kiến.

a) Người có thân phận ngoại giao được quy định tại Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thì việc tiếp nhận lời khai của họ với tư cách là nhân chứng chỉ được tiến hành với sự đồng ý rõ ràng của người đó. Nếu những yêu cầu nói trên bị từ chối thì phải ghi rõ vào biên bản.

b) Việc lấy lời khai người nước ngoài được tiến hành theo các thủ tục thông thường tại trụ sở cơ quan Công an. Người nước ngoài có thể tự chọn phiên dịch hoặc Cơ quan Công an có thể mời người phiên dịch. Trong trường hợp viên chức ngoại giao hoặc Lãnh sự chấp thuận làm nhân chứng thì việc tiếp nhận bút khai hoặc lấy lời khai của họ có thể được tiến hành tại nơi thuận tiện cho họ và họ đồng ý.

c) Đối với người nước ngoài không có thân phận ngoại giao (chuyên gia, các nhà kinh doanh, học sinh, thực tập sinh, khách du lịch tại Việt Nam...) có liên quan đến vụ tai nạn giao thông thì việc điều tra, giải quyết như đối với công dân Việt Nam. Tuy nhiên, khi xét thấy cần thiết phải tạm giữ người thì

phải báo cáo Giám đốc Công an cấp tỉnh để trao đổi với cơ quan ngoại vụ thống nhất giải quyết.

d) Những khó khăn trở ngại trong quá trình điều tra vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng liên quan đến cá nhân thuộc cơ quan đại diện nước ngoài đều được thống nhất phối hợp giữa các cơ quan: Công an, Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh thống nhất chỉ đạo biện pháp giải quyết; đồng thời, báo cáo lên cấp trên theo ngành dọc (Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao) để xin ý kiến giải quyết tiếp.

Điều 24. Trường hợp vụ tai nạn giao thông liên quan đến cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước

1. Khi xảy ra vụ tai nạn giao thông đường sắt liên quan đến cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước thì phải giải quyết cho cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước đến địa điểm an toàn hoặc đến nơi cần thiết theo yêu cầu của cán bộ đó.

2. Trường hợp vụ tai nạn giao thông xảy ra do phương tiện giao thông đường sắt đâm va với phương tiện giao thông đường bộ của cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước, thì giải quyết như sau:

a) Nếu phương tiện giao thông của cán bộ cao cấp đó vẫn hoạt động được, đủ điều kiện tham gia giao thông thì lập biên bản về vụ tai nạn, ghi biển số xe, giấy đăng ký xe, giấy phép lái xe của người điều khiển phương tiện, đánh dấu vị trí phương tiện, ghi nhận vị trí các dấu vết trên phương tiện, chụp ảnh hiện trường, quay camera (nếu có) và yêu cầu người điều khiển phương tiện ký xác nhận vào biên bản rồi giải quyết cho đi; định thời gian yêu cầu người điều khiển phương tiện đến trụ sở cơ quan Công an để giải quyết.

b) Nếu phương tiện giao thông của cán bộ cao cấp đó không đủ điều kiện tham gia giao thông thì phải giải quyết cho cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước đến địa điểm an toàn hoặc đến nơi cần thiết theo yêu cầu của cán bộ đó. Trường hợp cán bộ đó trực tiếp điều khiển phương tiện tham gia giao thông thì trước khi giải quyết cho đi phải lập biên bản về vụ tai nạn, ghi biển số xe, giấy đăng ký xe, giấy phép lái xe, đánh dấu vị trí phương tiện, ghi nhận vị trí các dấu vết trên phương tiện, chụp ảnh hiện trường, quay camera (nếu có) và yêu cầu cán bộ đó ký xác nhận vào biên bản; định thời gian yêu cầu cán bộ đó đến trụ sở cơ quan Công an để giải quyết.

3. Sau khi thực hiện xong các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, tiến hành điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông theo quy định tại Chương II Thông tư này.

4. Trường hợp vụ tai nạn giao thông liên quan đến cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước xảy ra mà cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước bị thương hoặc chết thì giải quyết theo quy định tại Chương II Thông tư này.

5. Các vụ tai nạn giao thông liên quan đến cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước xảy ra, cơ quan thụ lý điều tra, giải quyết phải cáo cáo Công an cấp tỉnh và Bộ Công an theo quy định.

Điều 25. Tai nạn giao thông đường sắt liên quan đến người, phương tiện giao thông đường bộ của Quân đội nhân dân

1. Đối với vụ va chạm giao thông có liên quan đến người, phương tiện giao thông đường bộ của Quân đội nhân dân thì lực lượng Cảnh sát giao thông điều tra, giải quyết và xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời, thông báo cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền của Quân đội nhân dân biết.

2. Đối với những vụ tai nạn giao thông đường sắt liên quan đến người, phương tiện giao thông đường bộ của Quân đội nhân dân phải qua công tác điều tra mới xác định được tính chất, mức độ của vụ tai nạn thì lực lượng Cảnh sát giao thông tiến hành các hoạt động điều tra ban đầu như khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, lấy lời khai những người có liên quan trong vụ tai nạn giao thông...theo quy định của Thông tư này; đồng thời, thông báo cho Cơ quan điều tra hình sự Quân đội nhân dân có thẩm quyền để phối hợp thực hiện các hoạt động điều tra ban đầu.

a) Trường hợp xác định vụ tai nạn giao thông có dấu hiệu tội phạm thì lực lượng Cảnh sát giao thông bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu, phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn giao thông cho Cơ quan điều tra hình sự Quân đội nhân dân theo thẩm quyền để giải quyết. Sau khi bàn giao cho Cơ quan điều tra hình sự Quân đội nhân dân, lực lượng Cảnh sát giao thông có trách nhiệm tiếp tục phối hợp theo đề nghị của Cơ quan điều tra hình sự Quân đội nhân dân.

b) Trường hợp xác định vụ tai nạn giao thông không có dấu hiệu tội phạm, thì lực lượng Cảnh sát giao thông hoàn chỉnh hồ sơ để giải quyết theo quy định tại Điều 16 Thông tư này.

Điều 26. Trường hợp vụ tai nạn giao thông đường sắt xảy ra do cháy nổ trên các phương tiện giao thông đường sắt và công trình liên quan làm gián đoạn giao thông đường sắt

1. Huy động các lực lượng và quân chủng tổ chức di chuyển người, tài sản ra khỏi đám cháy, vùng cháy.

2. Dùng phương tiện hiện có để chữa cháy; đồng thời, phải thông báo ngay cho Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đến để phối hợp giải quyết.

Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan giải quyết hậu quả, giải toả giao thông, tham gia khám nghiệm khi có yêu cầu.

3. Tổ chức điều tra theo Chương II Thông tư này.

Điều 27. Trường hợp vụ tai nạn giao thông đường sắt dẫn đến hành vi gây rối trật tự công cộng

1. Cảnh sát giao thông phối hợp với Trưởng tàu, bảo vệ đường sắt, nhân viên đường sắt tuyên truyền, giải thích, tranh thủ sự ủng hộ của quân chúng để côn lập đối tượng cầm đầu, kích động. Trong quá trình giải quyết cần tạo thế chủ động, cảnh giác với đối tượng cầm đầu, quá khích.

2. Trường hợp vụ gây rối diễn biến phức tạp, Cảnh sát giao thông có biện pháp bảo vệ hiện trường gây ra tai nạn, bảo vệ phương tiện, hàng hoá khỏi bị đập phá và phải báo cáo ngay Giám đốc Công an cấp tỉnh để chỉ đạo; đồng thời, báo cáo chính quyền địa phương nơi xảy ra tai nạn để có biện pháp giải quyết (nếu vụ gây rối do quân nhân gây ra thì phải đồng thời thông báo cho chỉ huy quân sự quận, huyện hoặc Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh phối hợp giải quyết).

3. Tổ chức điều tra theo Chương II Thông tư này.

Điều 28. Trường hợp người bị nạn từ chối, không đi cấp cứu

1. Cán bộ làm nhiệm vụ điều tra, giải quyết tai nạn giao thông hoặc nhân viên y tế có mặt đưa người bị nạn đi cấp cứu mà người bị nạn từ chối thì cán bộ làm nhiệm vụ điều tra, giải quyết tai nạn giao thông phải lập biên bản ghi nhận việc người bị nạn từ chối đi cấp cứu, có sự xác nhận của nhân viên y tế, người làm chứng.

2. Nếu chỉ có cán bộ làm nhiệm vụ điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đưa người bị nạn đi cấp cứu mà người bị nạn từ chối thì phải lập biên bản ghi nhận việc người bị nạn từ chối đi cấp cứu, có người làm chứng xác nhận.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể ngày 18 tháng 3 năm 2013 và thay thế Quyết định số 19/2007/QĐ-BCA(C11) ngày 05/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt.

Điều 30. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương thực hiện Thông tư này.

2. Cục Tài chính có trách nhiệm bao đảm kinh phí cho lực lượng Cảnh sát giao thông thực hiện công tác điều tra, giải quyết tai nạn giao thông.

3. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt có trách nhiệm giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội thực hiện:

a) Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, thực hiện Thông tư này.

b) Biên soạn tài liệu tập huấn nghiệp vụ điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt.

c) Tổ chức tập huấn nghiệp vụ điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt cho cán bộ thuộc Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt và lãnh đạo Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh, lãnh đạo Công an cấp huyện, chỉ huy Đội các đơn vị Cảnh sát giao thông trong toàn quốc.

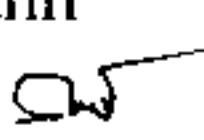
4. Giám đốc Công an cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Tổ chức tập huấn nghiệp vụ điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt cho cán bộ Cảnh sát giao thông thuộc địa phương mình quản lý theo nội dung tài liệu tập huấn do Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt biên soạn; trước khi tổ chức tập huấn phải có kế hoạch gửi về Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội (qua Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt) để theo dõi, giám sát.

b) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt; in và sử dụng các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Chỉ được bố trí những cán bộ đã được cấp giấy chứng nhận đã hoàn thành lớp tập huấn nghiệp vụ điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt làm nhiệm vụ điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt.

5. Các Tổng cục trưởng, thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc nảy sinh, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội) để có hướng dẫn kịp thời./. 

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các Tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ Công an;
- Các trường Công an nhân dân;
- Công an các tỉnh, tp trực thuộc Trung ương;
- Các Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy;
- Công báo nội bộ;
- Lưu: VT, C61(C67), V19.



Đại tướng Trần Đại Quang

Đơn vị báo cáo:
Đơn vị nhận báo cáo:
Mã:

BÁO CÁO BAN ĐẦU VỤ TAI NẠN GIAO THÔNG
ĐƯỜNG SÁT GÂY HẬU QUẢ ĐẶC BIỆT NGHIÊM TRỌNG

Mẫu số 01/TNDS
Ban hành theo Thông tư số 06/2013/TT-BCA
ngày 29/01/2013

1 - Số báo cáo: []

2 - Thời gian xảy ra tai nạn:

Giờ [] Phút [] Ngày []

Tháng [] Năm [] Tháng []

3 - Nơi xảy ra tai nạn:

- Tại Km: []
- Khu vực:
[]

ĐN có ĐN có ĐN có ĐN dân Cầu DS Hầm DS Khác
gác CBTĐ biển bắc sinh

- Quận, huyện, thị xã, TP thuộc tỉnh []
Mã:

4 - Số người chết, bị thương của vụ tai nạn:

- Số người chết: []

- Số người bị thương: []

5 - Hình thức tai nạn:

- Tai nạn về người []

Đi bộ Nằm, Đu bám Cầu gat Khác
qua ngồi nhảy tàu
DS trên DS

- Tàu đâm va phương tiện []

Tàu Ô tô Mô tô Xe đạp Khác

- Trật bánh, đổ tàu []

6 - Số phương tiện bị hư hỏng:

Đ.máy	T.xe	Ôtô con	Ôtô khách	Ôtô tải	Mô tô	Xe đạp	Khác
[]	[]	[]	[]	[]	[]	[]	[]

7 - Ghi tóm tắt diễn biến, sơ bộ về nguyên nhân tai nạn:

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu)

BÁO CÁO THÔNG KÊ TỔNG HỢP TAI NAN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SÁT

Đơn vị báo cáo: ...

Đơn vị nhận báo cáo:

(Từ ngày / / 20 đến ngày / / 20)

(Từ ngày / / 20 đến ngày / / 20)

M&U.S. 1997 REG.

Ban hành theo Thông tư số 06/2013/TT-BTC
ngày 29/01/2013

Nguyên nhân gây tai nạn

Kết quả điều tra, giải quyết tai nạn giao thông

Hình thức tai nạn										Nguyên nhân gây tai nạn												
STT	Địa bàn xảy ra	Đo lát tàu vi phạm					Do người điều khiển phương tiện đường bộ vi phạm					Xử lý hành chính					Khởi tố điều tra		Số vụ ra quyết định khởi tố		Số vụ chuyển đổi điều tra	
		Trật bánh	Tàu với Mô tô	Tàu với xe thô sơ	Tàu với bộ hành	Khác	Tốc độ	Ngù gật	Quy trình tác nghiệp	Sử dụng rượu bia	Hệ thống bảo ngang dàn sinh	Qua đường sắt	P/T không đâm bảo	Do người đi bộ	Do thiết bị	Do công trình giao thông	Khác	Số vụ ra quyết định khởi tố	Số vụ	Số vụ đang điều tra		
1		33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51		
2																						
3																						
4																						
5																						
6																						
7																						
8																						
9																						
10																						
11																						
12																						
13																						
14																						
15																						
16																						
17	Tổng số																					
So sánh	Cung kỵ (%)	(+/-)																				
Trước	Trước (%)	(+/-)																				
liên kè	liên kè (%)	%																				

Cần bộ thống kê

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu)

PHÂN LOẠI TAI NẠN GIAO THÔNG ĐI "ÔNG SÁT"

(Từ ngày / / 20 đến ngày / / 20....)

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

Mẫu số 03/TNDS

Ban hành theo Thông tư số 06/2013/TT-BCA
ngày 29/01/2013

STT	Địa bàn xảy ra	Tổng số vụ	Va chạm			Ít nghiêm trọng			Nghiêm trọng			Rất nghiêm trọng			Đặc biệt nghiêm trọng			
			Số vụ	Số người bị thương	Thiệt hại tài sản ước tính thành tiền (triệu đồng)	Số vụ	Số người bị thương	Thiệt hại tài sản ước tính thành tiền (triệu đồng)	Số vụ	Số người chết	Số người bị thương	Thiệt hại tài sản ước tính thành tiền (triệu đồng)	Số vụ	Số người chết	Số người bị thương	Thiệt hại tài sản ước tính thành tiền (triệu đồng)	Số vụ	Số người chết
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1																		
2																		
3																		
4																		
5																		
6																		
7																		
8																		
9																		
10																		
11																		
12																		
13																		
14																		
15																		
16																		
17																		
Tổng số																		
So sánh	Cùng kỳ																	
	Trước liền kề																	

Cán bộ thống kê
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nhà nước Cộng hòa
Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Hà Nội - Ngày 15 tháng 10 năm 1992
Số 14/CP

**BIÊN BẢN GHI NHẬN TÌNH TRẠNG KỸ THUẬT CẦU, HẦM, GHI
ĐƯỜNG SẮT LIÊN QUAN ĐẾN VỤ TAI NẠN GIAO THÔNG**

Hồi giờ phút, ngày tháng năm Tại

Chúng tôi gồm:

Ông/bà: cấp bậc, chức vụ.....
thuộc đơn vị

Ông/bà: cấp bậc, chức vụ.....
thuộc đơn vị

Ông/bà: chức vụ.....
thuộc đơn vị quản lý ngành đường sắt (cầu, hầm, ghi, đường sắt)

Ông/bà: chức vụ.....
thuộc đơn vị quản lý ngành đường sắt (cầu, hầm, ghi, đường sắt)

Ông/bà: là người chứng kiến

Ông/bà: là người chứng kiến

tiến hành ghi nhận tình trạng kỹ thuật cầu, hầm, ghi, đường sắt^(*)

liên quan đến vụ tai nạn giao thông xảy ra hồi giờ phút, ngày tháng

năm tại
trong điều kiện (mang, mưa, râm, mù, sáng, tối);

- Tình trạng cầu, hầm, ghi, đường sắt:

2- Ghi nhận quá trình ghi nhận tình trạng kỹ thuật cầu, hầm, ghi, đường sắt:

3. Dấu vết tội phạm và mẫu vật thu được:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Những dấu vết, tài liệu và mẫu vật nói trên được thu lượm, bảo quản đưa về cơ quan điều tra để nghiên cứu xử lý.

Trong quá trình ghi nhận tình trạng kỹ thuật cầu, hầm, ghi, đường sắt chung tôi có chụp ảnh và ghi hình (mẫu có).

Việc ghi nhận tình trạng kỹ thuật cầu, hầm, ghi, đường sắt kết thúc hồi giờ phút, ngày tháng năm Biên bản này đã đọc lại cho những người có tên trên nghe, công nhận đúng, ký tên xác nhận dưới đây:/.

ĐẠI DIỆN VIỆN KIỂM SÁT (mẫu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CỔ QUAN QUẢN LÝ
NGÀNH ĐƯỜNG SẮT
(Ký, ghi rõ họ tên)